

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG
TẠI DỰ THẢO VÀ THÔNG TƯ 36/2015/TT-BGTVT
(kèm theo văn bản số 894/GTg-TG ngày 23/02/2024)



Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và Thông tư 06/2022/TT-BGTVT	Dự thảo Thông tư	Ghi chú
<p><i>Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.</i></p>	<p><i>Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định cơ chế quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.</i></p>	<p>Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành</p>

<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này hướng dẫn về nguyên tắc xác định giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá và quyết định giá, kê khai giá.</p> <p>2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng, sử dụng và quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này quy định về cơ chế quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.</p> <p>2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng và quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.</p>	<p>Kế thừa quy định của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 24 của Luật Giá 2023</p>
<p>Điều 3. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ</p> <p>1. Nguyên tắc chung đối với giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không:</p> <p>a) Giá dịch vụ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh thực tế hợp lý; phù hợp với chất lượng dịch vụ, tình hình cung cầu trên thị trường;</p> <p>b) Mức giá phù hợp chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với mặt bằng giá của cùng loại dịch vụ trong khu vực ASEAN;</p> <p>c) Mức giá dịch vụ phải đảm bảo tính cạnh tranh, không lạm dụng vị trí độc quyền.</p>	<p>Điều 2. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ</p> <p>Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 22 Luật Giá.</p>	<p>Kế thừa quy định tại Điều 3 của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 22, của Luật Giá 2023</p>

<p>2. Ngoài nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không phải tuân thủ các nguyên tắc dưới đây:</p> <p>a) Giá dịch vụ hàng không đối với các chuyến bay quốc tế được xác định trên cơ sở đảm bảo thu hồi vốn đầu tư, tạo tích lũy cho đơn vị, phù hợp sản lượng, quy mô đầu tư; cho phép áp dụng các phương pháp tính giá nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng của cảng hàng không;</p> <p>b) Giá dịch vụ hàng không đối với các chuyến bay nội địa được xác định trên cơ sở giá cả thị trường trong nước, có tính đến quan hệ giữa giá trong nước và quốc tế của cùng loại dịch vụ;</p> <p>c) Giá dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện trên nguyên tắc phi độc quyền, phù hợp thị trường, bảo đảm quyền lợi của khách hàng và quy định của pháp luật về giá.</p>		
<p>Điều 2. Đồng tiền thanh toán</p> <p>1. Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa bán trong lãnh thổ Việt Nam, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không cung ứng cho các chuyến bay nội địa được quy định bằng Đồng Việt Nam (VND).</p>	<p>Điều 3. Quy định về thu tiền sử dụng dịch vụ</p> <p>1. Đối với dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa</p>	<p>Kế thừa quy định tại Điều 2 của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và Điều 4 Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT</p>

<p>2. Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa bán ngoài lãnh thổ Việt Nam được quy định bằng đồng tiền địa phương hoặc đồng tiền tự do chuyển đổi phù hợp với quy định tại quốc gia đó.</p> <p>3. Giá dịch vụ chuyên ngành hàng không cung ứng cho các chuyến bay quốc tế được quy định bằng đồng Đô la Mỹ (USD). Trường hợp thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam thì quy đổi theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p>a) Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa bán trong lãnh thổ Việt Nam được quy định bằng Đồng Việt Nam (VND);</p> <p>b) Giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa bán ngoài lãnh thổ Việt Nam được quy định bằng đồng tiền địa phương hoặc đồng tiền tự do chuyển đổi phù hợp với quy định tại quốc gia đó.</p> <p>2. Đối với dịch vụ hàng không</p> <p>a) Dịch vụ cung cấp cho chuyến bay nội địa: đồng tiền thu sử dụng dịch vụ được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ);</p> <p>b) Dịch vụ cung cấp cho chuyến bay quốc tế: đồng tiền thu sử dụng dịch vụ được quy định bằng đô la Mỹ (USD). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>3. Đối với dịch vụ phi hàng không</p> <p>a) Tại nhà ga nội địa và khu vực ngoài cách ly nhà ga quốc tế: giá dịch vụ được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ);</p> <p>b) Tại khu vực cách ly nhà ga quốc tế: giá dịch vụ được quy định bằng đô la Mỹ (USD). Việc niêm yết, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ</p>	
---	---	--

	thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	
<p>Điều 4. Chính sách giá ưu đãi nhằm khuyến khích, mở rộng người sử dụng dịch vụ</p> <p>1. Chính sách giá ưu đãi được xây dựng và ban hành trên cơ sở đảm bảo tính minh bạch, công khai, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng sử dụng dịch vụ trong cùng loại dịch vụ cung ứng.</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền định giá quy định chính sách giá ưu đãi đối với dịch vụ Nhà nước định giá cụ thể và do doanh nghiệp nhà nước cung ứng.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ chủ động xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi, giảm giá của đơn vị mình.</p>	<p>Điều 4. Chính sách giá ưu đãi</p> <p>1. Chính sách giá ưu đãi được xây dựng và ban hành trên cơ sở đảm bảo tính minh bạch, công khai, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng sử dụng dịch vụ trong cùng loại dịch vụ cung ứng.</p> <p>2. Bộ Giao thông vận tải quy định chính sách giá ưu đãi đối với dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải định giá cụ thể.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chủ động xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi, giảm giá của đơn vị mình.</p>	<p>Kế thừa quy định tại Điều 4 của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và điều chỉnh quy định tại Khoản 2 cho phù hợp với tình hình thực tế khi nhiều dịch vụ đã có sự tham gia của các loại hình doanh nghiệp khác (ngoài doanh nghiệp nhà nước)</p>
<p>Điều 5. Danh mục dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải định giá, khung giá</p> <p>1. Quyết định mức giá các dịch vụ hàng không, bao gồm:</p> <p>a) Dịch vụ cất cánh, hạ cánh;</p> <p>b) Dịch vụ điều hành bay đi, đến;</p> <p>c) Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay;</p> <p>d) Dịch vụ phục vụ hành khách;</p>	<p>Điều 5. Định giá</p> <p>1. Danh mục dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải định giá</p> <p>a) Danh mục dịch vụ hàng không do Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá cụ thể: Dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay; Dịch vụ điều hành bay đi, đến; Dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ đảm bảo an ninh</p>	<p>Kế thừa quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và có điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá. Trong đó:</p> <p>-Bỏ giá dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay ra khỏi</p>

<p>đ) Dịch vụ đảm bảo an ninh hàng không;</p> <p>e) Dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.</p> <p>2. Quyết định khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa hạng phổ thông bán trong lãnh thổ Việt Nam trên các đường bay do doanh nghiệp có vị trí độc quyền, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường khai thác.</p> <p>3. Quyết định khung giá một số dịch vụ hàng không do doanh nghiệp có vị trí độc quyền, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường khai thác tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm:</p> <p>a) Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay;</p> <p>b) Dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách;</p> <p>c) Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý;</p> <p>d) Dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay;</p> <p>đ) Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay (đối với các cảng hàng không còn áp dụng phương thức trọn gói);</p> <p>e) Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi;</p> <p>g) Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không;</p>	<p>hàng không; Dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;</p> <p>b) Danh mục dịch vụ hàng không do Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá: Dịch vụ cho thuê sân đậu tàu bay; Dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách; Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; Dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay; Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không;</p> <p>c) Danh mục dịch vụ phi hàng không do Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá: Dịch vụ cho thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay; Dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay;</p> <p>d) Giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa do Bộ Giao thông vận tải quy định mức tối đa;</p>	<p>danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá</p> <p>-Thay đổi hình thức định giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa từ khung giá sang quyết định giá tối đa</p>
---	---	---

<p>h) Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay.</p> <p>i) Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không.</p> <p>4. Quyết định khung giá một số dịch vụ phi hàng không:</p> <p>a) Dịch vụ cho thuê mặt bằng tại nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa;</p> <p>b) Dịch vụ cơ bản thiết yếu tại nhà ga hành khách.</p>	<p>đ) Việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Luật Giá và Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá.</p> <p>2. Lập, thẩm định hồ sơ phương án giá, ban hành văn bản định giá</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập phương án giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về phương án giá do mình lập;</p> <p>b) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định phương án giá quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Việc lập, thẩm định hồ sơ phương án giá, ban hành văn bản định giá hoặc điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá.</p>	<p>Rà soát, cập nhật theo quy định của Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá, dự kiến kế thừa các quy định tại Thông tư số 36/2015/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 6. Quy trình lập, thẩm định hồ sơ phương án giá</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ lập 02 bộ hồ sơ phương án giá gửi đến Cục Hàng không Việt Nam theo một trong các cách thức sau:</p> <p>a) Gửi trực tiếp;</p>		<p>Đưa quy định vào khoản 2 Điều 5 Dự thảo</p>

<p>b) Gửi qua đường công văn;</p> <p>c) Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Biểu mẫu có chữ ký và dấu đỏ hoặc gửi qua fax và gọi điện thoại thông báo, đồng thời gửi qua đường công văn.</p> <p>2. Hồ sơ phương án giá bao gồm:</p> <p>a) Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá;</p> <p>b) Phương án giá;</p> <p>c) Các tài liệu khác có liên quan.</p> <p>Hồ sơ phương án giá quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá:</p> <p>a) Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá.</p> <p>Trường hợp hồ sơ phương án giá chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Thời gian thẩm định tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p> <p>b) Tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có</p>		
--	--	--

liên quan và văn bản thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải quyết định giá. Trường hợp không quyết định giá, Bộ Giao thông vận tải có ý kiến trả lời bằng văn bản.

c) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì Cục Hàng không Việt Nam hoặc Bộ Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn thẩm định giá, quyết định giá quy định tại các điểm a, b khoản này.

4. Điều chỉnh mức giá:

a) Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và giá thế giới có biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì Bộ Giao thông vận tải kịp thời xem xét, điều chỉnh giá;

b) Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân khi kiến nghị Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh mức giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh;

c) Trình tự, thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

<p>Điều 7. Danh mục dịch vụ thực hiện kê khai giá</p> <p>1. Các dịch vụ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Thông tư này.</p> <p>2. Dịch vụ hàng không thuộc thẩm quyền định giá của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ, bao gồm:</p> <p>a) Dịch vụ vận chuyển hàng hóa, bưu gửi nội địa;</p> <p>b) Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (trừ dịch vụ cung cấp theo hợp đồng hợp tác song phương, đa phương);</p> <p>c) Dịch vụ phục vụ hàng hóa tại cảng hàng không;</p> <p>d) Dịch vụ sử dụng thiết bị trong nhà ga;</p> <p>đ) Dịch vụ phục vụ khác tại khu bay.</p>	<p>Điều 6. Kê khai giá</p> <p>1. Danh mục dịch vụ thực hiện kê khai giá</p> <p>a) Dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không sân bay;</p> <p>b) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa.</p> <p>2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá.</p> <p>3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá dịch vụ của các tổ chức kinh doanh dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Các cảng vụ hàng không có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá dịch vụ của các tổ chức kinh doanh dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo phạm vi quản lý.</p> <p>5. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá.</p> <p>6. Cơ quan tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổ chức việc cập nhật thông tin giá kê khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định.</p>	<p>Kế thừa quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và có điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Giá 2023. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục thực hiện kê khai giá: Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 28 Luật Giá và Khoản 1, Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Phân quyền cơ quan tiếp nhận kê khai giá cho Cục HKVN và các cảng vụ hàng không - Bổ sung quy định về việc cập nhật thông tin giá kê khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá
--	--	---

<p>Điều 8. Thực hiện kê khai giá</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thuộc danh mục quy định tại Điều 7 Thông tư này có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá.</p> <p>2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá dịch vụ của các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.”.</p>		<p>Đưa quy định vào Điều 6 Dự thảo</p>
<p>Điều 9. Quy trình tiếp nhận, rà soát hồ sơ kê khai giá</p> <p>1. Quy trình tiếp nhận hồ sơ:</p>		<p>Đã bị bãi bỏ tại Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT</p>

<p>a) Khi nhận được hồ sơ kê khai giá, Cục Hàng không Việt Nam ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản và đóng dấu đến hồ sơ kê khai theo thủ tục hành chính, đồng thời chuyển lại 01 bản hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kê khai;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ kê khai giá không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>c) Hết thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ kê khai giá đầy đủ, nếu Cục Hàng không Việt Nam không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, bổ sung về các nội dung, thành phần của hồ sơ thì tổ chức, cá nhân được thực hiện giá kê khai.</p> <p>2. Quy trình rà soát hồ sơ:</p> <p>Thực hiện theo quy trình rà soát văn bản quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.</p>		
<p>Điều 10. Đấu thầu cung ứng dịch vụ phi hàng không</p>		<p>Đã bị bãi bỏ tại Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT</p>

<p>1. Trường hợp không tự khai thác, sử dụng mặt bằng, cung ứng dịch vụ, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa phải tổ chức đấu thầu lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng, cung ứng dịch vụ phi hàng không.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục thực hiện đấu thầu áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p>		
<p>Điều 11. Niêm yết giá</p> <p>Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thực hiện việc niêm yết giá dịch vụ phi hàng không theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.</p>	<p>Điều 7. Niêm yết giá</p> <p>Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thực hiện việc niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Điều 29 Luật Giá.</p>	<p>Kế thừa quy định của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 29 của Luật Giá 2023</p>
<p>Điều 12. Công bố công khai giá</p> <p>Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thực hiện:</p> <p>1. Công bố công khai giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không cho người sử dụng trước khi cung ứng dịch vụ hoặc trước khi ký hợp đồng cung ứng dịch vụ.</p> <p>2. Thông báo công khai và gửi văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chính sách giá ưu đãi thuộc thẩm quyền của đơn vị.</p>	<p>Điều 8. Công khai thông tin về giá</p> <p>1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không thực hiện công khai các nội dung sau đây</p> <p>a) Chủ trương, đề án, báo cáo về biện pháp quản lý, điều tiết giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; văn bản quy phạm pháp luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;</p> <p>b) Văn bản định giá các dịch vụ quy định khoản 1 Điều 5 Thông tư này.</p>	<p>Kế thừa quy định của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 6 của Luật Giá 2023</p>

	<p>2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai các nội dung sau đây:</p> <p>a) Giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân tự định giá trong khung giá, giá tối đa do Bộ Giao thông vận tải ban hành;</p> <p>b) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;</p> <p>c) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá.</p> <p>3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm công khai thông tin quy định tại Điều này phải bảo đảm tính chính xác, trung thực, kịp thời và chịu trách nhiệm về nội dung công khai.</p> <p>4. Việc công khai các thông tin quy định tại Điều này được thực hiện theo hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hoặc hình thức phù hợp khác. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì công khai bằng hình thức gửi văn bản đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá; đối với các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì công khai bằng hình thức cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá.</p>	
<p>Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước</p> <p>1. Bộ Giao thông vận tải:</p>	<p>Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước</p> <p>1. Bộ Giao thông vận tải</p>	<p>Kế thừa quy định của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT và điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại của Luật Giá 2023</p>

<p>a) Quyết định giá, khung giá các dịch vụ quy định tại Điều 5 của Thông tư này;</p> <p>b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định.</p> <p>2. Cục Hàng không Việt Nam:</p> <p>a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thực hiện các quy định về quản lý giá theo hướng dẫn tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Thông báo, đăng tải danh sách các đường bay nội địa, danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và dịch vụ chuyên ngành hàng không trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam;</p> <p>c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá theo thẩm quyền.</p> <p>3. Cảng vụ hàng không:</p> <p>a) Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện quy định về giá dịch vụ phi hàng không của các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không sân bay;</p> <p>b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá theo thẩm quyền.</p>	<p>a) Quyết định mức giá cụ thể, khung giá, mức giá tối đa các dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;</p> <p>b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không, giao nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.</p> <p>2. Cục Hàng không Việt Nam</p> <p>a) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về quản lý giá theo hướng dẫn tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Thực hiện thông báo danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa theo quy định;</p> <p>c) Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không theo thẩm quyền.</p> <p>3. Các cảng vụ hàng không</p> <p>a) Thường xuyên giám sát và đôn đốc việc thực hiện quy định về giá dịch vụ phi hàng không của các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không sân bay;</p>	
--	---	--

	<p>b) Thực hiện thông báo danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay theo quy định;</p> <p>c) Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá dịch vụ phi hàng không theo thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 14. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ</p> <p>1. Thực hiện các quy định về quản lý giá theo hướng dẫn tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Lập và gửi báo cáo về tình hình thực hiện giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>3. Chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ</p> <p>1. Thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Lập và gửi báo cáo về tình hình thực hiện giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ chuyên ngành hàng không theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>3. Chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p>	Kế thừa quy định của Thông tư 36/2015/TT-BGTVT
<p>Điều 15. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.</p> <p>2. Thông tư liên tịch số 103/2008/TTLT/BTC-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý giá cước vận chuyển hàng không nội địa và</p>	<p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.</p> <p>2. Bãi bỏ các Thông tư sau:</p> <p>- Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;</p>	

giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam và Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT/BTC-BGTVT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 103/2008/TTLT/BTC-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

- Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;

- Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam;

- Thông tư số 17/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa; Thông tư số 34/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa;

- Thông tư số 13/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá

	nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.	
<p>Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Các mức giá, khung giá dịch vụ hàng không quy định tại Quyết định số 1992/QĐ-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mức giá, khung giá một số dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam; Khung giá cước vận chuyển hành khách nội địa hạng phổ thông quy định tại Quyết định số 3282/QĐ-BTC ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về mức tối đa khung giá cước vận chuyển hành khách hạng vé phổ thông trên các đường bay nội địa còn vị thế độc quyền vẫn tiếp tục được áp dụng cho đến khi có văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về mức giá, khung giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và dịch vụ chuyên ngành hàng không.</p> <p>2. Các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng, cung ứng dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không tiếp tục thực hiện các điều khoản theo hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa đến ngày hợp đồng hết hiệu lực nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2016. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 hoặc sau ngày hợp đồng hết hiệu lực (đối với hợp đồng hết hiệu lực trước ngày 31 tháng 12 năm 2016), doanh nghiệp cung</p>		<p>Đã bị bãi bỏ tại Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT</p>

cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa tổ chức đấu thầu lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng và cung ứng dịch vụ phi hàng không theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.		
<p>Điều 17. Tổ chức thực hiện</p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.</p>		

